

Số: 153/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-VPCP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử của Văn phòng Chính phủ năm 2019;

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2018 về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính tỉnh Hà Giang năm 2019.

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh Hà Giang; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Tỉnh và các đoàn thể Tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Các Ban: TCNV, TTKT tỉnh;
- Đài PTTH Tỉnh, Báo Hà Giang;
- Lãnh đạo VP ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

KẾ HOẠCH

Cải cách thủ tục hành chính năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 153 /QĐ-UBND ngày 28 / 01 / 2019 của
Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm đảm bảo việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC được đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, có hiệu quả, có trọng tâm;
- Rà soát các quy định, TTHC để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định, TTHC không thật sự cần thiết, có nhiều khâu trung gian, rườm rà, chồng chéo, thành phần hồ sơ phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài... gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân;
- Rà soát đầy đủ TTHC trên tất cả các ngành, lĩnh vực để xây dựng quy trình liên thông trong tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng Công nghệ thông tin. Lựa chọn TTHC để xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến khả thi, hiệu quả;
- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và sự minh bạch của bộ máy hành chính, cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Yêu cầu

- Công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC phải được tiến hành đồng bộ, hiệu quả, đúng thời gian, đảm bảo phải đơn giản hóa và kiến nghị đơn giản hóa các TTHC hiện hành;
- Việc rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không mang tính cơ học mà được xem xét cụ thể, chi tiết, kỹ lưỡng về tính cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, điều kiện của từng TTHC theo quy định hiện hành;
- Xác định cụ thể TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và xây dựng quy trình thực hiện thống nhất, chặt chẽ, đồng bộ, phù hợp thực tế địa phương, đảm bảo tính khả thi cao; TTHC phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ;
- Phân công, phối hợp rõ ràng, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; xác định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm thực hiện, thời hạn thực hiện và dự kiến kết quả đạt được;
- Huy động sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan trong triển khai, thực hiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC. Trong đó, tập trung vào trách nhiệm công khai TTHC, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp, đối thoại về TTHC và việc xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về TTHC.

2. Rà soát, công bố danh mục TTHC và TTHC của các cấp trên địa bàn tỉnh.

3. Rà soát, đơn giản hóa TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định, cắt giảm các loại giấy tờ, thành phần hồ sơ không cần thiết, trùng lặp; tiết giảm đến mức thấp nhất chi phí tuân thủ cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

4. Chuẩn hóa quy trình liên thông, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC và dịch vụ công trực tuyến.

5. Kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC, tập trung kiểm tra việc công khai và giải quyết TTHC tại Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; việc tuân thủ quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

6. Tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

7. Thông tin, tuyên truyền Kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

(Chi tiết nội dung tại phụ lục số 01 kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch cải cách TTHC của UBND tỉnh năm 2019 do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND ngày 26/4/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách TTHC của Sở, ban, ngành và của UBND cấp huyện, cấp xã được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động năm 2019 của Sở, ban, ngành và của UBND cấp huyện, cấp xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố căn cứ vào Kế hoạch này xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách TTHC năm 2019 của cơ quan, đơn vị mình gửi về Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/02/2019 để tổng hợp, tham mưu giúp UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ.

2. Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nội dung trong Kế hoạch này có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện công việc.

3. Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

4. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Kế hoạch này; báo cáo kết quả về Văn phòng Chính phủ theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ./⁷⁷



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC NỘI DUNG KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thiện Quy chế hoạt động của Hệ thống Một cửa trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Một cửa trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (sau đây gọi tắt là Văn phòng) chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	Quý II/2019
2	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra nghiệp vụ kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2019. Thực hiện kiểm tra định kỳ tại 15 Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố theo hình thức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.	Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra nghiệp vụ kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2019. Kết luận kiểm tra; Báo cáo công tác kiểm tra gửi Văn phòng Chính phủ.	Văn phòng	Ban hành Kế hoạch: Quý I/2019 Thực hiện kiểm tra: Quý II, III/2019
3	Tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Mục II, Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018	Hoàn thành hết quả công việc được giao tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 12/11/2018.	Ban Tổ chức - Nội vụ; Văn phòng; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ban, ngành được giao	Theo thời gian quy định tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày

	của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC		nhiệm vụ	12/11/2018.
4	Rà soát, công bố TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh (Theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02)			
	Công bố danh mục TTHC do trung ương đã công bố và thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	- 100% TTHC áp dụng tại địa phương được rà soát công bố. - Thời gian: chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày Quyết định công bố TTHC của Bộ, ban, ngành Trung ương ký ban hành.	Các Sở, ban, ngành chủ động thực hiện	Thường xuyên năm 2019
	Công bố TTHC được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản QPPL của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	- 100% TTHC có trong văn bản QPPL của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công bố theo quy định. - Thời gian: Chậm nhất trước 8 ngày tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành (trường hợp văn bản QPPL có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ngày ký ban hành thì Quyết định công bố TTHC được thực hiện cùng với ngày văn bản QPPL có hiệu lực thi hành)	Các Sở, ban, ngành chủ động thực hiện	Thường xuyên năm 2019
	Ban hành quy trình liên thông giữa các cơ quan tham gia giải quyết TTHC trong cùng bộ TTHC (có từ 2 cơ quan tham gia giải quyết trở lên trong cùng một bộ TTHC)	100% TTHC được xây dựng Quy trình liên thông ban hành kèm theo Quyết định công bố Danh mục TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC	Các Sở, ban, ngành chủ động thực hiện	Thường xuyên năm 2019

	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC so với quy định	Danh mục rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được ban hành kèm theo Quyết định công bố Danh mục TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC, cụ thể: phần đầu rút ngắn 30% thời gian giải quyết so với quy định đối với các TTHC đáp ứng điều kiện rút ngắn thời gian giải quyết.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên năm 2019
	Rà soát, đánh giá sự phù hợp của TTHC với yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến (Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 và Điều 13, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)	TTHC được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến được thể hiện trong Quyết định công bố Danh mục TTHC và công bố TTHC, cụ thể: cung cấp cấp tối thiểu 30% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ở mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%; và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc quá hạn giải quyết.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên năm 2019
5	Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (Điều 13, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)	- Tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả tối thiểu 20% số lượng TTHC. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả tối thiểu 50% số lượng TTHC.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Trước tháng 12/2019

		- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả tối thiểu 100% số lượng TTHC.		
6	Công bố danh mục nhóm TTHC liên thông và quy trình liên thông	Quyết định công bố danh mục nhóm TTHC liên thông và quy trình liên thông	Văn phòng và các Sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ	Thực hiện sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
7	Ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC (Có văn bản hướng dẫn riêng)	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC 100% các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã được phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC.	Văn phòng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.	Quý I, II/2019
8	Thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC (Theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03). - Sở Lao động - TBXH (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội, Việc làm, Giáo dục nghề nghiệp). - Sở Giáo dục và Đào tạo (Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo). - Các Sở, ban, ngành khác: trong quá trình rà soát, xây dựng dự thảo công bố danh mục TTHC, công bố TTHC	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá; Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC. 100% TTHC liên thông đáp ứng được điều kiện để liên thông trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử. Cắt giảm tối đa thời gian giải quyết TTHC so với điều kiện đáp ứng giải quyết; cắt giảm tối đa thành phần hồ sơ TTHC không cần thiết; phần đầu giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Quý II, III/2019

	nếu thấy TTHC có nhiều phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình giải quyết thì thực hiện rà soát, đánh giá xây dựng phương án đơn giản hóa theo quy định.	TTHC sau đơn giản hóa.		
9	Tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2019 (có Kế hoạch riêng)	Tổ chức Hội nghị tập huấn trực tuyến và Hội nghị thảo luận, hướng dẫn cho đối tượng là công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ KSTTHC và Bộ phận Một cửa các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng	Quý II/2019
10	Thông tin, tuyên truyền Kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC			
	Lồng ghép việc tuyên truyền các nội dung hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC với việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền chủ chương, chính sách của ngành	Thực hiện tối thiểu 5 Hội nghị tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền chủ chương, chính sách của ngành có lồng ghép nội dung hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC/Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường Xuyên năm 2019
	Phối hợp thông tin, tuyên truyền với các Cơ quan thông tấn báo chí làm phóng sự, viết tin, bài đăng tải lên các phương tiện thông tin đại chúng về thực tế cách làm hay, điểm sáng trong cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa	Trên 200 phóng sự, tin, bài được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Đài truyền hình Việt Nam, Báo Hà Giang, Đài PTTH Hà Giang, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành,	Văn phòng; Đài PTTH Hà Giang; Báo Hà Giang, các Cơ quan thông tấn báo chí khác có liên quan đóng trên địa bàn tỉnh.	Thường Xuyên năm 2019

	liên thông trong giải quyết TTHC	UBND các huyện/thành phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng.		
	Nhập, đăng tải công khai dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; kết nối, tích hợp để công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.	100% TTHC được đăng tải công khai dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh chậm nhất trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định công bố được ký ban hành	Văn phòng; Các sở, ban, ngành.	Thường Xuyên năm 2019
	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC và kịp thời thông tin công khai về kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị về TTHC trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời PAKN của người dân và Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời PAKN của doanh nghiệp.	100% ý kiến phản ánh, kiến nghị về TTHC của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời PAKN của người dân và Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời PAKN của doanh nghiệp được tiếp nhận và trả lời.	Văn phòng; Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.	Thường Xuyên năm 2019
11	Xây dựng dự toán kinh phí hoạt động kiểm soát TTHC, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Dự trù kinh phí đảm bảo thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2020 của các Sở, ban, ngành, địa phương, được xây dựng theo kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.	Văn phòng; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; cấp xã.	Quý IV /2019

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn công bố Danh mục thủ tục hành chính và công bố thủ tục hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~153~~ ¹⁵³ QĐ-UBND ngày ~~23/01~~ ^{23/01} /2019 của Chủ tịch
UBND tỉnh Hà Giang)

1. Quy trình công bố danh mục thủ tục hành chính

Đối với các thủ tục hành chính (gọi tắt là **TTHC**) nằm trong các Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP. Quy trình của việc công bố danh mục TTHC được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ được đăng tải trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (theo quy định tại Khoản 5, Điều 9, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP), các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh (gọi chung là cơ quan chuyên môn) xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC (kèm theo quy trình liên thông giữa các cơ quan tham gia giải quyết TTHC trong cùng bộ TTHC) và gửi đến Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh (**sau đây gọi tắt là Văn phòng**) qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Hồ sơ gửi Văn phòng bao gồm:

- Tờ trình đề nghị công bố danh mục TTHC;
- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo danh mục TTHC cần công bố và theo quy trình liên thông giữa các cơ quan tham gia giải quyết TTHC trong cùng bộ TTHC (Mẫu số: PL2-01).

Hồ sơ trình công bố danh mục TTHC gửi tới Văn phòng qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc địa chỉ thư điện tử: kstthc.vpubnd@hagiang.gov.vn. (Gửi kèm bản word để thuận tiện biên tập)

b) Trường hợp hồ sơ dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

c) Trường hợp hồ sơ dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Văn phòng gửi lại cơ quan chuyên môn ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo.

Cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố và gửi lại Văn phòng chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý để trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

2. Quy trình công bố thủ tục hành chính

2.1. Quy trình công bố đối với các TTHC được giao quy định hoặc quy định,

chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP)

Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố như sau:

a) Cơ quan chuyên môn xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố TTHC và gửi đến Văn phòng (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) chậm nhất trước 08 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành để trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Hồ sơ gửi Văn phòng UBND tỉnh bao gồm:

- Tờ trình đề nghị công bố TTHC;
- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo danh mục, nội dung TTHC cần công bố (Mẫu số: PL2-02).

Hồ sơ trình công bố danh mục TTHC gửi tới Văn phòng qua hệ thống quản lý văn bản điện tử hoặc địa chỉ thư điện tử: kstthc.vpubnd@hagiang.gov.vn. (Gửi kèm bản word để thuận tiện biên tập)

b) Trường hợp hồ sơ dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

c) Trường hợp hồ sơ dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Văn phòng gửi cơ quan chuyên môn ý kiến góp ý để hoàn thiện.

Cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố và gửi lại Văn phòng chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý để trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

2.2. Quy trình công bố đối với các TTHC nằm trong văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

a) Cơ quan chuyên môn chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật dự thảo Quyết định công bố ngay trong quá trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có chứa TTHC và gửi tới Văn phòng (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước khi trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hồ sơ gửi Văn phòng tỉnh bao gồm:

- Tờ trình đề nghị công bố TTHC;
- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo danh mục, nội dung TTHC cần công bố (Mẫu số: PL2-02).

Hồ sơ trình công bố danh mục TTHC gửi tới Văn phòng qua hệ thống quản

lý văn bản điện tử hoặc địa chỉ thư điện tử: kstthc.vpubnd@hagiang.gov.vn. (Gửi kèm bản word để thuận tiện biên tập)

b) Trường hợp hồ sơ dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành chậm nhất 05 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đối với dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng gửi cơ quan chuyên môn ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

Cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố và gửi lại Văn phòng chậm nhất sau 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý.^{h1}

Số: /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày tháng năm 201...

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính... Lĩnh vực ...
của Ngànháp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ... Lĩnh vực ... của Ngànháp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở.....; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KSTTHC. 

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

PHẦN I. DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
I. Lĩnh vực:...							
1	Ghi chính xác tên TTHC	 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ghi rõ cách thức tiếp nhận hồ sơ của khách hàng: Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (mức độ...)	Ghi rõ địa điểm tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Ví dụ: Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang, Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.	 đồng	- Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh..., Ví dụ: Nghị định số/20..../NĐ-CP, ngày/...../20... của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ, ban, ngành, VD: Quyết định số/QĐ-.... ngày/.../... của Bộ trưởng Bộ.....
2							
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN							
							
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
							

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
I	Lĩnh vực:.....							
1	Mã TTHC trên CSDL Quốc gia hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Ghi chính xác tên TTHC	 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ghi rõ cách thức tiếp nhận hồ sơ của khách hàng: Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (mức độ...)	Ghi rõ địa điểm tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Ví dụ: Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang, Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.	 đồng	- Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh..., Ví dụ: Nghị định số/20..../NĐ-CP, ngày/...../20... của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ, ban, ngành, VD: Quyết định số/QĐ-.... ngày/....../... của Bộ trưởng Bộ.....
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN							
I	Lĩnh vực:.....							
...								
C.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
I	Lĩnh vực:.....							

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

TT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc thay thế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH								
I.	Lĩnh vực:								
1		Ghi chính xác tên TTHC	Ghi chính xác tên TTHC	 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ghi rõ cách thức tiếp nhận hồ sơ của khách hàng: Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (mức độ...)	Ghi rõ địa điểm tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Ví dụ: Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang, Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.	 đồng	- Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh..., Ví dụ: Nghị định số/20..../NĐ-CP, ngày/...../20... của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ, ban, ngành, VD: Quyết định số/QĐ-.... ngày/.../... của Bộ trưởng Bộ.....
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN								
									
C.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ								
									

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ thủ tục hành chính
(1)	(2)	(3)	(4)
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I. Lĩnh vực:			
1			
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
...			
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
...			

PHẦN 2: QUY TRÌNH LIÊN THÔNG GIỮA CÁC CƠ QUAN THAM GIA GIẢI QUYẾT TTHC TRONG CÙNG BỘ TTHC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP...

I. LĨNH VỰC: ...

1. Tên thủ tục hành chính: ...

Bước 1: Cơ quan đầu mối (Ví dụ: UBND xã, Phòng..., Sở...) tiếp nhận hồ sơ của cơ quan, tổ chức, đơn vị(gọi chung là khách hàng) trực tiếp hoặc tiếp nhận trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận Một cửa cấp...

Danh mục thành phần hồ sơ:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Tên hồ sơ... (mẫu số tên văn bản quy định mẫu...)	Bản chính hoặc ký số hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực...	...

Số lượng hồ sơ: ... bộ

Bước 2: Cơ quan đầu mối thẩm định (hoặc phối hợp với Cơ quan liên quan thẩm định) hồ sơ trình UBND ... (hoặc cơ quan cấp trên): ... ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Cơ quan đầu mối.....thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua bưu chính, thư điện tử cho khách hàng biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ: ngày làm việc (chỉ được thực hiện 01 lần).

Danh mục hồ sơ chuyển trực tiếp hoặc qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử hoặc trực tuyến hoặc qua đường bưu chính đến UBND ... (hoặc cơ quan cấp trên) tại Bộ phận Một cửa cấp:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Tờ trình (kèm dự thảo văn bản...)		
02	Văn bản thẩm định.....		
03	Hồ sơ tiếp nhận của khách hàng tại Bộ phận Một cửa cấp ... <i>(trong trường hợp phải chuyển cho cơ quan cấp trên để thẩm định)</i>		

Số lượng hồ sơ: bộ

Bước 3: UBND ... (hoặc cơ quan cấp trên) xem xét, quyết định; Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do: ngày làm việc.

Kết quả giải quyết tại UBND ... (hoặc cơ quan cấp trên) trả cho Cơ quan đầu mốitại Bộ phận Một cửa cấp ... chuyển qua đường bưu chính hoặc qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử hoặc trực tuyến đến Bộ phận Một cửa cấp: n_1

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng

Cơ quan đầu mốitrả kết quả cho khách hàng tại Bộ phận Một cửa cấp...gồm:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng

* Khi có quy định thống nhất về việc sử dụng văn bản điện tử, hồ sơ điện tử và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đủ điều kiện thực hiện giao dịch trực tuyến, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh sẽ hướng dẫn các cơ quan xây dựng quy trình theo hình thức giao dịch trực tuyến hoặc qua hình thức liên thông điện tử.^m

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính... Lĩnh vực ...
của Ngànháp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số...../20.../NQ-HĐND ngày...tháng... năm 20... của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang

Xét đề nghị của Giám đốc Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ... Lĩnh vực ... của Ngànháp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có nội dung kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở.....; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KS TTHC, Văn phòng Chính phủ;
-
- Lưu:/fj

CHỦ TỊCH

(Ký tên, dấu)

Nguyễn Văn Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC... THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH HÀ GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

Phần I.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X	
I. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục a
2	Thủ tục b
n	
II. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục c
2	Thủ tục d
n	
B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	
I. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục a
2	Thủ tục b
n	
C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	
I. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục a
2	Thủ tục b
n	

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
-----	---------------------------------------	---------------------------	--

Quyết định công bố			
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X			
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			
II. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
2		Thủ tục d	
n			
B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện			
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			
C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã			
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X						
I. Lĩnh vực...						
1		Thủ tục a	Thủ tục a1			
2		Thủ tục b	Thủ tục b1			
n						
I. Lĩnh vực...						
1		Thủ tục c	Thủ tục c1			

2		Thủ tục d	Thủ tục d1			
n						
B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện						
I. Lĩnh vực...						
1		Thủ tục a	Thủ tục a1			
2		Thủ tục b	Thủ tục b1			
n						
C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã						
I. Lĩnh vực...						
1		Thủ tục a				
2		Thủ tục b				
n						

4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X			
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			
II. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
2		Thủ tục d	
n			
B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện			
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			
C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã			
I. Lĩnh vực...			

1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			

Phần II.

NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ TỈNH A

I. Lĩnh vực A

1. Tên thủ tục a

a) Cấp thực hiện: *Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*

b) Trình tự thực hiện:

Đối với TTHC liên thông giữa các cấp, các ngành cần phân định rõ các bước thực hiện (Trách nhiệm giải quyết của từng cơ quan, đơn vị và thời gian thực hiện ở từng bước; địa điểm thực hiện của từng bước) theo mẫu tại phần II, mẫu số PL1-01.

c) Cách thức thực hiện:

Ghi rõ cách thức thực hiện, VD: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu chính, nộp qua mạng (hoặc cách thức khác phù hợp với việc tiếp nhận và giải quyết TTHC).

d) Thành phần hồ sơ: *Nêu rõ thành phần hồ sơ gồm những loại văn bản, giấy tờ, tài liệu nào.*

e) Số lượng hồ sơ: *Nêu rõ số lượng bộ hồ sơ*

f) Thời hạn giải quyết: *Ghi tổng thời gian thực hiện của thủ tục*

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Ghi rõ là tổ chức hay cá nhân*

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ghi rõ: Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định; Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện; Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; Cơ quan phối hợp.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Ghi rõ những thành phần hồ sơ kết quả gồm những loại văn bản nào, do cơ quan nào cấp; hiện vật là gì; tiền mặt...*

j) Phí, lệ phí (nếu có): *Ghi rõ số tiền*

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có thì phải đính kèm mẫu ngay sau thủ tục):

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): *Những yêu cầu cần thiết để giải quyết thủ tục*

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: *Nêu rõ những căn cứ pháp lý*

n. Thủ tục n

II. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a

Lưu ý: 

- Đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc nêu rõ thông tin trên, phải xác định rõ bộ phận nào của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (*bằng cách in nghiêng và có ghi chú: "Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế" ngay sau từng thủ tục*).

- Đối với những thủ tục hành chính bị bãi bỏ, không phải thống kê theo nội dung nêu trên nhưng phải xác định rõ tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ. Trường hợp thủ tục hành chính đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Quyết định công bố phải ghi rõ số hồ sơ của hồ sơ TTHC (VD: T-HGI-270330-TT), văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính. *m*

3. Điều kiện đáp ứng cắt giảm thời gian giải quyết TTHC

TT	Điều kiện đáp ứng cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	Loại TTHC không phù hợp	Giải pháp khắc phục trường hợp TTHC không phù hợp	
			Kỹ thuật công nghệ	Sửa đổi văn bản QPPL
1	Có đủ nguồn nhân lực để giải quyết TTHC	Nguồn nhân lực không đáp ứng được việc giải quyết TTHC (số lượng cán bộ, trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thiết bị...)	Bổ trí đủ số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm thực hiện giải quyết đối với TTHC có số lượng giao dịch lớn, quy trình xử lý phức tạp.	
2	TTHC được tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử và đã thực hiện xây dựng quy trình liên thông giải quyết TTHC giữa các cơ quan, đơn vị đối với TTHC liên thông. Thành phần hồ sơ TTHC không yêu cầu bản chính khi thực hiện liên thông giữa các cấp.	Chưa thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử và chưa thực hiện xây dựng quy trình liên thông giải quyết TTHC giữa các cơ quan, đơn vị đối với TTHC liên thông. Thành phần hồ sơ TTHC yêu cầu bản chính khi thực hiện liên thông giữa các cấp.	- Rà soát TTHC, thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử. - Cơ quan, đơn vị chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp, trong đó: Quy định rõ trách nhiệm; có lưu đồ quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC nội bộ, liên thông giữa các cấp, các ngành; nội dung các bước; thời gian giải quyết TTHC liên thông.	Cần xây dựng văn bản quy định rõ trách nhiệm cơ quan tiếp nhận trong việc xác minh, lưu trữ giấy tờ gốc.
3	Hồ sơ, giấy tờ đơn giản. Không yêu cầu phối hợp xử lý; điều tra xác minh phức tạp và đã kết nối, chia sẻ thông tin trong xử lý.	Thành phần hồ sơ, giấy tờ phức tạp. Yêu cầu nhiều cơ quan, đơn vị phối hợp xử lý, có yêu cầu điều tra xác minh. Không có kết nối, chia sẻ thông tin trong xử lý.	Xây dựng quy chế phối hợp và kết nối hệ thống dữ liệu, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị.	Rà soát, kiến nghị sửa đổi văn bản QPPL quy định TTHC loại bỏ hồ sơ, giấy tờ không cần thiết. Xã hội hóa công tác kiểm tra hoặc tích hợp dữ liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu để giảm hoặc bỏ việc

TT	Điều kiện đáp ứng cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	Loại TTHC không phù hợp	Giải pháp khắc phục trường hợp TTHC không phù hợp	
			Kỹ thuật công nghệ	Sửa đổi văn bản QPPL
				kiểm tra trực tiếp của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC.
4	Đã có cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Chưa có cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc tích hợp với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan	
5	TTHC đã phân định rõ các bước thực hiện, quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị	TTHC chưa phân định rõ các bước thực hiện, quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị		Kiến nghị sửa đổi VBQPPL quy định TTHC: phân định rõ các bước thực hiện, quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

4. Điều kiện thủ tục hành chính phù hợp với yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến các mức độ

TT	Mức độ	Tiêu chí đánh giá, phân loại Dịch vụ công trực tuyến	Loại TTHC không phù hợp	Giải pháp khắc phục trường hợp TTHC không phù hợp	
				Kỹ thuật, công nghệ	Sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2	Cung cấp đầy đủ các thông tin về TTHC trên mạng	TTHC chưa được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan.	Ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC, công bố TTHC theo thẩm quyền. Công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan.	
		Tài được các mẫu văn bản	TTHC chưa được công bố, công khai hoặc chưa đăng tải mẫu văn bản kèm theo TTHC đã công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan.	Thực hiện công bố, công khai TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan theo đúng quy định	
2	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Việc gửi hồ sơ qua môi trường mạng	TTHC mà thành phần hồ sơ có dung lượng lớn hơn mức dung lượng cho phép của hệ thống	Thực hiện các giải pháp kỹ thuật để mở rộng dung lượng tải dữ liệu điện tử của hồ sơ TTHC lên hệ thống. Tích hợp với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan	
		Điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản, hồ sơ	TTHC có thành phần hồ sơ như sau: Biểu mẫu phải yêu cầu xác nhận của bên thứ 3. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải kiểm tra, đối chiếu trực tiếp. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải ký trực tiếp hoặc hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan, cá nhân thụ lý hồ sơ. Ví dụ: công chứng hợp đồng...	Thực hiện chữ ký số; giấy phép, chứng từ điện tử, công chứng, chứng thực điện tử. Cho phép khai báo thông tin và thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ khi nhận kết quả trực tiếp.	

			Hồ sơ, giấy tờ không được phép gửi qua mạng điện tử. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu bản chính do cơ quan, đơn vị thứ 3 cấp.		
	Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng	Những TTHC yêu cầu cá nhân phải có mặt để xác thực về đối tượng thực hiện. Ví dụ: Thủ tục Cấp Chứng minh nhân dân (9 số) thực hiện tại cấp tỉnh (mã thủ tục B-BCA-153529-TT Chưa đáp ứng yêu cầu để triển khai DVCTT mức độ 3 vì khoản 1, Điều 6, Nghị định số 05/1999/NĐ-CP quy định công dân có nghĩa vụ phải đến cơ quan công an làm thủ tục cấp Chứng minh nhân dân để chụp ảnh, in vân tay...). Những TTHC bắt buộc phải tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu điều kiện của TTHC. Ví dụ: Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp (mã thủ tục B-BLD-286297-TT Chưa đáp ứng yêu cầu để triển khai DVCTT vì TTHC quy định trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra trên thực tế khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định, lập báo cáo, trình các cấp có thẩm quyền quy	Liên thông, kết nối các phần mềm dịch vụ công của cơ quan nhà nước theo Kiến trúc Chính phủ điện tử để tạo môi trường xử lý hồ sơ trực tuyến	Xã hội hóa công tác kiểm tra hoặc tích hợp dữ liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu để giảm hoặc bỏ việc kiểm tra trực tiếp của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC. Bãi bỏ các quy định này hoặc sửa đổi thay thế bằng các hình thức khác, ví dụ: Bỏ quy định phải có mặt để kiểm tra, xác thực; thực hiện công nhận lẫn nhau để miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu...	

			định tại Điều 13 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP xem xét, quyết định.		
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Hồ sơ được gửi qua môi trường mạng	TTHC mà thành phần hồ sơ có dung lượng lớn hơn mức dung lượng cho phép của hệ thống	Thực hiện các giải pháp kỹ thuật để mở rộng dung lượng tải dữ liệu điện tử của hồ sơ TTHC lên hệ thống Tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan.	
		Điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản, hồ sơ	TTHC có thành phần hồ sơ như sau: Biểu mẫu phải yêu cầu xác nhận của bên thứ 3. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải kiểm tra, đối chiếu trực tiếp. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu bản chính do cơ quan, đơn vị thứ 3 cấp.	Thực hiện chữ ký số; giấy phép, chứng từ điện tử. Cho phép thực hiện công chứng, chứng thực điện tử.	
			Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải ký trực tiếp hoặc hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan, đơn vị, cá nhân thụ lý hồ sơ. Ví dụ: Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo...Chưa đáp ứng yêu cầu vì quy định trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch Công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính của các giấy tờ quy định tại khoản 1, Điều 40 Luật công chứng để đối chiếu trước khi lời chứng, ký vào từng trang của HĐ, giao dịch. Hồ sơ, giấy tờ không được phép gửi qua mạng điện tử. Ví dụ: Thủ tục hành chính có hồ sơ,		Bãi bỏ hoặc thay đổi hình thức đối với trường hợp hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải ký trực tiếp, hoặc hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan đơn vị, cá nhân thụ lý hồ sơ và loại hồ sơ, giấy tờ không được phép gửi qua mạng.

		giấy tờ là tài liệu mật		
	Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng	Những TTHC yêu cầu cá nhân phải có mặt để xác thực về đối tượng thực hiện. Ví dụ: Thủ tục Cấp Chứng minh nhân dân (9 số) thực hiện tại cấp tỉnh (mã thủ tục B-BCA-153529-TT Chưa đáp ứng yêu cầu để triển khai DVCTT mức độ 3 vì khoản 1, Điều 6, Nghị định số 05/1999/NĐ-CP quy định công dân có nghĩa vụ phải đến cơ quan công an làm thủ tục cấp Chứng minh nhân dân để chụp ảnh, in vân tay...) Những TTHC bắt buộc phải tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu điều kiện của TTHC	Liên thông, kết nối các phần mềm dịch vụ công của cơ quan nhà nước theo Kiến trúc Chính phủ điện tử để tạo môi trường xử lý hồ sơ trực tuyến.	Xã hội hóa công tác kiểm tra hoặc tích hợp dữ liệu với các Hệ thống cơ sở dữ liệu để giảm hoặc bỏ việc kiểm tra trực tiếp của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC. Bãi bỏ các quy định này hoặc sửa đổi, thay thế bằng các hình thức khác, Ví dụ: Bỏ quy định phải có mặt để kiểm tra, xác thực; thực hiện công nhận lẫn nhau để miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu... Xây dựng cơ chế hoạt động liên thông giữa các cơ quan nhà nước trong xử lý TTHC.
	Thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến	TTHC chưa kết nối cho phép cá nhân thực hiện thanh toán lệ phí bằng tài khoản ngân hàng của cá nhân (qua ATM, mạng E-banking,...)	Xây dựng chức năng thanh toán điện tử, kênh thanh toán trực tuyến qua ngân hàng. Các cơ quan thực hiện TTHC triển khai DVC mức độ 4 thực hiện mở các tài khoản giao dịch tại ngân hàng. Tăng cường áp dụng hóa đơn điện tử.	
	Trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến hoặc qua đường bưu chính	Kết quả giải quyết TTHC yêu cầu bắt buộc đối tượng thực hiện phải ký khi nhận kết quả. Ví dụ: Thủ tục đăng ký kết hôn trong nước Mã số B-BTP-244609-TT chưa đáp ứng yêu cầu triển khai dịch vụ công mức độ 4 vì khoản 3,		Sửa đổi hình thức thực hiện đối với trường hợp bắt buộc đối tượng thực hiện phải ký nhận trực tiếp kết quả giải quyết TTHC, ví dụ: bằng hình thức ký nhận bằng chữ ký

		điều 38 Luật Hộ tịch quy định khi đăng ký kết hôn cả 2 bên nam, nữ phải có mặt tại trụ sở UBND, công chức làm công tác hộ tịch hỏi ý kiến 2 bên nam, nữ, nếu các bên tự nguyện kết hôn thì ghi việc kết hôn vào sổ hộ tịch, cùng 2 bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn).	số
--	--	--	----

*** Ghi chú:**

- Tiêu chí dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 bao gồm cả các tiêu chí đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2.

- Các Sở, ban, ngành lựa chọn các TTHC đáp ứng tiêu chí có thể thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 mà không phải sửa đổi, bổ sung quy định về TTHC tại các Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; các TTHC có trình tự thực hiện không liên quan đến việc phối hợp xử lý giữa các cơ quan khác ngành hoặc việc giải quyết TTHC giữa các cơ quan đã có sự tích hợp, kết nối, chia sẻ các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; TTHC mà hồ sơ, giấy tờ đơn giản, chủ yếu do đối tượng thực hiện tự thực hiện và cung cấp mà không cần xác nhận hoặc là kết quả thực hiện do bên thứ 3 cung cấp; TTHC không yêu cầu hoàn thành nghĩa vụ tài chính trước khi nhận kết quả giải quyết, trừ nghĩa vụ về phí, lệ phí; TTHC đã có Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho quá trình xem xét, quyết định giải quyết thủ tục (nếu có) để đề xuất thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4. Đối với các TTHC chưa phù hợp để triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 thực hiện đề ra giải pháp khắc phục.

PHỤ LỤC SỐ 03

Hướng dẫn rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

1. Thủ tục hành chính rà soát

Sở Lao động - TBXH tổ chức rà soát, đánh giá thủ tục thuộc các lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Việc làm, Giáo dục nghề nghiệp; Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá thủ tục thuộc các lĩnh vực Giáo dục và đào tạo.

Các Sở, ban, ngành khác trong quá trình rà soát, xây dựng dự thảo công bố danh mục TTHC, công bố TTHC nếu thấy TTHC có nhiều phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình giải quyết thì thực hiện rà soát, đánh giá xây dựng phương án đơn giản hóa theo quy định, cụ thể:

- TTHC chưa đáp ứng được sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp (tên, trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết, phí/lệ phí, mẫu đơn/tờ khai, yêu cầu điều kiện, kết quả thực hiện, căn cứ pháp lý) của TTHC, đề xuất đơn giản hóa;

- TTHC có quy định về yêu cầu thành phần hồ sơ chưa tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện: lạm dụng yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản sao có công chứng, chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện TTHC để đơn giản hóa mở rộng các hình thức bản sao cho phù hợp với cách thức thực hiện TTHC, theo đó quy định người yêu cầu có thể lựa chọn nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao (photocopy) và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện); nộp văn bản điện tử có ký số từ chứng thư số đang còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (trường hợp nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- TTHC có yêu cầu về thời hạn giải quyết còn kéo dài so với điều kiện đáp ứng giải quyết, TTHC chưa quy định thời hạn giải quyết; TTHC có quy trình liên thông chưa rõ ràng gây khó khăn trong việc Ứng dụng công nghệ thông tin... để thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, cụ thể hóa trình tự thực hiện, thời gian, trách nhiệm của từng cơ quan tham gia;

- TTHC có quy định thực hiện, kiểm tra, xác minh, thẩm định nhiều cấp, nhiều ngành để thực hiện công nhận kết quả giữa các cấp, các ngành hoặc thực hiện phối hợp kiểm tra, xác minh, thẩm định;

- TTHC có yêu cầu thành phần hồ sơ là các văn bản do các cơ quan hành chính nhà nước (cơ quan chủ trì và phối hợp giải quyết TTHC) ban hành để thực hiện bỏ thành phần hồ sơ là các văn bản trên hoặc bỏ tổ chức họp thẩm định, phối hợp kiểm tra;

- TTHC quy định thành hồ sơ chưa chặt chẽ, tạo kẽ hở để tổ chức, cá nhân trục lợi làm thất thoát tài sản của nhà nước, để thay thế thành phần hồ sơ đảm bảo tính pháp lý chặt chẽ, đồng thời tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức rà soát

Thực hiện rà soát đánh giá thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Điều 25 và các biểu mẫu Phụ lục VII tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ.

Việc tính toán chi phí tuân thủ của TTHC thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 27 và biểu mẫu Phụ lục IX tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ.

3. Kết quả rà soát

Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC kèm theo Biểu mẫu rà soát do các sở, ban, ngành thực hiện gửi Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp chung.

Phương án đơn giản hóa TTHC do UBND tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền hàng năm gửi Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ và Bộ, ngành liên quan có TTHC được rà soát, đánh giá.

Ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh và UBND tỉnh do các sở, ban, ngành, địa phương dự thảo và trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh. *ph*